



CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TM THÀNH LỢI

KHU TẬP TRUNG GIẾT MỔ GIA CẦM

Thường - GL - HN

Email: thanhloi8668@gmail.com

ĐT/fax: 043 8780564 - 0912 57 38 57



THÀNH LỢI

KIA

29G
018.88





CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

ĐC: Đỗ Xá - Yên Thường - Gia Lâm-HN

Hotline: 0982.023338

CHUYÊN GÀ SẠCH SP ĐẠT VSATTP - TRUY XUẤT ĐƯỢC NGUỒN GỐC
GIAO HÀNG NHANH

29G-018.88













Má đùi gà



Đùi gà góc 4



B612

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0105860651

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 04 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 25 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI
THÀNH LỢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912573857

Fax:

Email: thanhloi8668@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 8.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN LỢI	Việt Nam	Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.800.000.000	60,000	001082030367	
2	NGUYỄN THỊ LIÊU	Việt Nam	Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.200.000.000	40,000	001182017911	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LỢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082030367

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Hà Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

Địa chỉ: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0912573857

Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

1. Sơ chế thịt gia cầm
2. Bảo quản thịt gia cầm

Số cấp: 18/2024/NNPTNT-HN

Có hiệu lực đến ngày 17 tháng 5 năm 2027./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Đình Đăng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ
Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 of the Government and the Decree No 13/2022/NĐ-CP dated 21/01/2022 of the Government

CHỨNG NHẬN

Certifying

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

Địa chỉ **Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội,**
Address **Việt Nam**

được quyền sử dụng mã số sau đây:
to have right of using the following

Mã doanh nghiệp GS1
GS1 Company Prefix

8938522558

Ngày hết hiệu lực:
Period of validation

22/6/2026

Số giấy chứng nhận: B0351001
Registered No
Số đăng ký: 2669/18
Reference No

Hà Nội, 22/6/2023
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR GENERAL



CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TM

THÀNH LỢI

Số:01/2024/XNKT-ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Căn cứ tài liệu tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế;
- Căn cứ kết quả tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của Công ty TNHH thực phẩm thương mại Thành Lợi;

Công ty TNHH Thực Phẩm Thương Mại Thành Lợi xác nhận Ông/Bà (Có Danh sách kèm theo)

Thuộc: Công ty TNHH Thực Phẩm Thương Mại Thành Lợi

Địa chỉ: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành Phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0105860651 Cấp ngày: 09/04/2012

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Đã được tập huấn kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị 03 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Lưu: Phòng DVKH, HCNS.

KT GD/P.GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Liễu

DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Danh sách cán bộ nhân viên tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm Số: 01/2024/XNKT-ATTP)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ Thẻ Căn cước	Ngày cấp	Nơi cấp
1	NGUYỄN VĂN LỢI	Giám Đốc	Nam	25/12/1982	001082030367	24/07/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
2	NGUYỄN THỊ LIÊU	Phó Giám Đốc	Nữ	06/03/1982	001182017911	24/07/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
3	NGUYỄN THỊ TÂM	NV phòng HCKT	Nữ	21/01/1989	068189000006	14/05/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
4	NGUYỄN THỊ ANH	NV Sản xuất	Nữ	16/12/1999	027199001749	25/04/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
5	NGUYỄN VĂN TUYÊN	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	06/06/1996	001096039469	19/08/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
6	VŨ HỒNG THÁI	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	03/10/1978	001078003069	10/05/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
7	NGUYỄN VĂN PHÚ	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	31/07/1987	001087026101	31/12/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
8	HOÀNG MINH VƯỢNG	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	29/05/1996	008096006447	06/09/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
9	PHẠM THANH TÙNG	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	10/8/1984	034084024209	14/08/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
10	LÝ VĂN VƯƠNG	NV Sản xuất	Nam	23/05/1994	019094003491	11/08/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

KT GD/P GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Liêu



CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
Hương Canh – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN GÀ THỊT THƯƠNG PHẨM

GIỮA
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM
VÀ
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

Năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG MUA BÁN GÀ

Số: 920759 - 01/25 - JCVHC - PO - S

Ngày: 21/12/2024

GIỮA

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM

VÀ

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA

Bên B đồng ý mua và Bên A đồng ý bán gà lông trắng (sau đây gọi là gà) với chi tiết như sau:

1.1. Chất lượng

Theo tiêu chuẩn của Bên A. Gà khỏe mạnh, không bệnh tật.

1.2. Giá gà:

- i. Giá gà do Bên A quy định.
- ii. Bên A sẽ thông báo giá gà cho Bên B hàng ngày hoặc bất cứ khi nào có thay đổi bằng văn bản, email, fax hoặc điện thoại, tin nhắn;
- iii. Những đơn đặt hàng sau khi giá gà được thông báo sẽ theo giá mới thông báo đó;

ĐIỀU 2: ĐẶT HÀNG

- 2.1. Bên B đặt mua gà muộn nhất trước 9 giờ sáng của ngày bắt gà;
- 2.2. Việc đặt hàng có thể bằng văn bản, fax, email hoặc điện thoại và tin nhắn.
- 2.3. Đơn đặt hàng của Bên B phải chi tiết loại, số lượng gà, thời gian giao nhận và thông tin khác (nếu có);
- 2.4. Yêu cầu đối với đơn hàng:
 - i. Số lượng gà tối thiểu mỗi lần mua: ≥ 1500 con/ ngày
 - ii. Bên B phải đặt và mua gà ít nhất : 20 ngày/ tháng
 - iii. Sản lượng gà tối thiểu mua trong tháng : 30000 con
 - iv. Nếu Bên B không thực hiện yêu cầu trên, Bên A có đầy đủ quyền (nhưng không có nghĩa vụ) từ chối các đơn đặt hàng của Bên B;
- 2.5. Nếu Bên A không có đủ gà theo đơn đặt hàng của Bên B, thông báo cho Bên B biết ngay lập tức;

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

- 3.1. Bên B phải thanh toán 100% giá trị số gà đặt mua trước khi bắt gà;
- 3.2. Trong trường hợp Bên B không thanh toán đủ giá trị 100% đơn đặt hàng, Bên A sẽ giao gà theo số tiền thanh toán thực tế.
- 3.3. Phương thức thanh toán:
 - i. Chuyển khoản:
Bên B chuyển khoản thanh toán vào các tài khoản ngân hàng sau của Bên A:

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2024, chúng tôi gồm có.

Bên Bán : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA
COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ : Thị trấn Hương Canh – huyện Bình Xuyên – tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại : 0211.3.866.170 Fax: 0211.3.866.182

MST : 2500175548

Đại diện bởi : Ông Sanjeev Kumar

Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

(Sau đây gọi là **Bên A**)

Bên mua : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

Đại diện bởi : Ông NGUYỄN VĂN LỢI

Chức vụ : Giám Đốc

MST : 0105860651

Địa chỉ : Thôn Đỗ Xá, xã Yên Phương, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 0912573857

Số CCCD : 001082030367

Cấp bởi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

(Sau đây gọi là **Bên B**)

(**Bên A** và **Bên B** sau đây gọi chung là “các Bên” và gọi riêng là “Bên”)

Xét rằng:

Bên A là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi và tổ chức chăn nuôi tại thị trường Việt Nam;

Bên B có nhu cầu và mong muốn mua số lượng lớn gà của Bên A để chế biến/ bán lẻ;

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản sau đây:

a) Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	
Số tài khoản	22VP00000354
Tên ngân hàng:	Vietinbank – chi nhánh Bình Xuyên –Vĩnh Phúc

b) Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	
Số tài khoản	1160 0001 1963
Tên ngân hàng:	Vietinbank – chi nhánh Vĩnh Phúc

c) Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	
Số tài khoản	2801 2010 02710
Tên ngân hàng:	Agribank – chi nhánh Bình Xuyên –Vĩnh Phúc

d) Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	
Số tài khoản	4251 000 0954
Tên ngân hàng:	BIDV – chi nhánh Vĩnh Phúc

e) Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	
Số tài khoản	036 100 151 3628
Tên ngân hàng:	Vietcombank – chi nhánh Vĩnh Phúc

Trong trường hợp Bên A thay đổi tài khoản, thông báo cho Bên B ngay lập tức;

- ii. Thanh toán bằng hệ thống bưu điện theo mã code nộp tiền đã được thông báo tới Bên B;

Cụ thể :

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam
--

Số tài khoản	22VP000 + 5 số cuối code Khách hàng
Tên ngân hàng:	Vietinbank

3.4. Nội dung chuyển tiền.

Nội dung chuyển tiền như sau:

Code khách hàng + Họ tên Khách hàng + Tên sản phẩm mua + số tiền thực tế chuyển

3.5. Đối trừ công nợ:

Bên A có thể, tùy thuộc vào quyết định của mình, đối trừ tổng giá trị hàng hóa của đơn hàng với các khoản phải trả Bên B.

ĐIỀU 4: GIAO NHẬN HÀNG

4.1. Địa điểm giao nhận:

Tại trại của Bên A, theo thông báo của Bên A;

4.2. Thời gian giao nhận:

Theo đặt hàng của Bên B hoặc thỏa thuận khác giữa hai Bên;

4.3. Khi Bên B đến bắt gà, mang theo lồng gà. Số lượng lồng phải đảm bảo đựng số lượng gà mà Bên B đặt.

Đảm bảo vệ sinh lồng gà và xe gà sạch sẽ trước khi vào trại gà của Bên A.

Nếu Bên B không đảm bảo vệ sinh khi vào trại, Bên A có quyền từ chối đơn hàng ngày hôm đó của Bên B.

4.4. Việc bắt gà do công nhân tại trại thực hiện dưới sự giám sát của Bên A.

Bên B không được phép vào chuồng gà, trừ trường hợp có sự chấp thuận của Bên A;

4.5. Việc giao nhận được coi là đã hoàn thành khi cân gà xong;

Hai bên sẽ ký Phiếu cân gà để xác nhận việc giao nhận gà đã hoàn thành.

4.6. Bên B phải kiểm tra gà trước khi nhận. Bất kỳ khiếu nại nào sau khi nhận gà sẽ bị coi là vô hiệu;

4.7. Bên B, bằng chi phí của chính mình, có trách nhiệm bốc xếp và vận chuyển gà;

4.8. Bất kỳ mất mát/ thiệt hại nào đối với gà sau khi giao nhận, bao gồm nhưng không giới hạn những mất mát/ thiệt hại xảy ra trong quá trình bốc xếp và vận tải, sẽ do Bên B chịu;

1.1.
T.Y.
1.10.1
PH
JG
1.1
1.1

1.1
1.1
T

4.9. Bên B phải tuân thủ các quy định của Bên A khi đi vào/ ra trang trại/ kho của Bên A.

4.10. Nếu Bên B không đến bắt gà theo đặt hàng, Bên A có toàn quyền hủy đơn hàng của Bên B. Mọi chi phí phát sinh do Bên B không thực hiện đúng theo đơn đặt hàng sẽ do Bên B chịu.

Số tiền Bên B đã thanh toán cho đơn đặt hàng trên đây sẽ được chuyển sang lần mua kế tiếp sau khi trừ đi các chi phí phát sinh;

4.11. Bên A sẽ cung cấp các giấy tờ sau cho Bên B khi giao nhận gà:

- (i) Tờ khai (nếu có);
- (ii) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (nếu có);
- (iii) Kẹp chì;
- (iv) Phiếu cân gà;
- (v) Giấy tờ khác (nếu có);

ĐIỀU 5: CHIẾT KHẤU, KHUYẾN MẠI VÀ THUẾ

5.1. Chiết khấu và Khuyến mại

- i. Bên B có quyền hưởng chiết khấu/ khuyến mại theo chính sách của Bên A (nếu có);
- ii. Mức chiết khấu theo chính sách của Bên A. Trong trường hợp có thay đổi, Bên A sẽ thông báo cho Bên B được biết;
- iii. Bên A có thể thông báo chính sách chiết khấu/ khuyến mại cho Bên B theo bất kỳ phương thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bằng văn bản, email, fax, điện thoại hoặc tin nhắn;
- iv. Bên B mua đủ sản lượng và số ngày mua theo khoản 2.4 Điều 2 của hợp đồng này, được hưởng theo chế độ và chính sách của Bên A (nếu có);

5.2. Thuế

- i. Bên B tự chịu trách nhiệm pháp lý kê khai và nộp (và không yêu cầu Bên A bồi hoàn) đối với các loại thuế (bao gồm nhưng không giới hạn: thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp) mà cơ quan thuế Việt Nam có thể ấn định đối với Bên B liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này;
- ii. Bên A, theo quy định pháp luật về thuế của Việt Nam, sẽ thực hiện kê khai, khấu trừ và nộp cho cơ quan thuế bất kỳ khoản thuế nào theo quy định của pháp luật trước khi chi trả các khoản thu nhập phát sinh từ hợp đồng này cho Bên B.

ĐIỀU 6: SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1. Bất khả kháng là hành động, sự kiện hoặc điều kiện bất lợi ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của các bên trong phạm vi hợp đồng này mà các trường hợp đó nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của bên chịu trách nhiệm. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn đối với các trở ngại hay luật cấm bởi chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, bạo loạn, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp quốc gia (dù đã được tuyên bố hay chưa tuyên bố), hành vi thù địch, xáo trộn công cộng, đình công, ghi danh sách đen, tẩy chay, trừng phạt, tranh chấp lao động khác và bãi công, dịch bệnh của người hay của động vật (dù công bố hay không công bố), hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão, sóng thần hoặc các thiên tai khác;
- 6.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên còn lại ngay lập tức hoặc trong một khoảng thời gian hợp lý nhưng không quá 24 tiếng về việc bị ảnh hưởng và phải thực hiện các hành vi ngăn chặn bằng tất cả khả năng có thể để hạn chế các tổn thất, rủi ro và thiệt hại xảy ra;
- 6.3. Bất kỳ sự chậm trễ thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ nào quy định trong Hợp đồng này trong trường hợp bất khả kháng đều không bị coi là hành vi vi phạm hợp đồng, và Bên bị ảnh hưởng sẽ không phải đền bù bất kỳ thiệt hại nào, với điều kiện phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều: 6.2 nói trên

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 7.1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 21/12/2024 và chấm dứt hiệu lực vào ngày 20/12/2025;
- 7.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt hiệu lực trước thời hạn trong các trường hợp sau:
 - i. Theo sự thỏa thuận của hai bên;
 - ii. Một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng.
Khi đó, Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng sẽ thông báo cho Bên còn lại biết trước ít nhất 01 tháng bằng văn bản.
 - iii. Bên A, tùy thuộc vào quyết định của mình, có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Bên B nếu:
 - Bên B vi phạm quy định về số lượng gà và số lần mua gà quy định tại Điều 2.4 của Hợp đồng trong 03 (ba) tháng liên tục mà không thông báo và được sự chấp thuận trước của Bên A;
 - Bên B không mua gà trong 20 (hai mươi) ngày liên tục mà không thông báo và được sự chấp thuận trước của Bên A;
 - iv. Các trường hợp khác theo pháp luật Việt Nam;
- 7.3. Nếu hai bên đồng ý, Hợp đồng sẽ được gia hạn bởi một hợp đồng mới hoặc một phụ lục với đầy đủ chữ ký và dấu của Các Bên.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào liên quan tới/ phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng. Nếu hai bên không thể tự thỏa thuận trong 30 ngày, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo Pháp luật Việt Nam. Án phí và các chi phí khác sẽ do bên thua chịu trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 9: QUYỀN ƯU TIÊN

Bên B bắt đủ số lượng và đủ số ngày theo quy định tại khoản 2.4 điều 2 sẽ được hưởng những quyền lợi sau từ bên A:

9.1. Bên B được ưu tiên tuyệt đối về sản lượng mua/ ngày.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

10.1. Các Bên sẽ giữ bí mật hợp đồng và mọi thông tin liên quan đến hợp đồng này và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào cho bên thứ ba trừ trường hợp theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều khoản này sẽ có giá trị áp dụng kể cả khi hợp đồng này chấm dứt hiệu lực

10.2. Nếu bất kỳ bên nào vi phạm hợp đồng này và gây thiệt hại cho bên còn lại, bên vi phạm phải bồi thường đầy đủ và chịu mọi trách nhiệm;

10.3. Mọi sự thay đổi hoặc bổ sung của Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được thể hiện bằng văn bản thỏa thuận có chữ ký và con dấu của Các Bên.

10.4. Hợp Đồng này thay thế mọi thỏa thuận, cam kết, sắp xếp trước đó, dù bằng miệng hay bằng cách khác, nếu có, giữa các Bên liên quan đến vấn đề chính của Hợp Đồng này;

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
SANJEEV KUMAR

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lợi

4

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

Phân loại:

TTUT.BSCKI.TMH

Đào Thanh Bình

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên:m; Hàm dưới:m

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):

Phân loại:

Đặc sỹ - Bác sỹ

Nguyễn Thị Kim Ngân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám

Chữ ký của Bác sỹ

1. Xét nghiệm máu:

a) Công thức máu: Số lượng HC:; Số lượng Bạch cầu:; Số lượng tiểu cầu:; Sinh hóa máu: Đường máu:mm; Creatinin:ASAT(GOT):; ALAT (GPT):

2. Xét nghiệm nước tiểu:

Đường:Protein:; Khác (nếu có):

3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):

Nguyễn Thị Linh

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:(K1, II, K3)
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Long Biên, ngày 04 tháng 6 năm 2024.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN

PKDK.....Ngọc Lâm.....

Số: 7625/GSKS-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ TÂM

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒

Sinh Ngày: 01 tháng 01 năm 1989 (Tuổi:)

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 068189000006

Cấp ngày: 01/01/2024 Tại:

Chẩn hiện tại: Đổ Xá, Yên Hưng, Gia Lâm, Hà Nội

Qua khám sức khỏe: Khỏe, sức khỏe định kỳ công ty

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☐ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2015

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Tâm

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 163 cm; - Cân nặng: 50 kg; - Chỉ số BMI:
- Mạch: 81 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg
Phân loại thể lực: II

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	Tim Đm. 1/2/3	BÁC SỸ Trần Văn Hách
	Phân loại	I	
b)	Hô hấp	Kh	
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	H	
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	N	
	Phân loại	I	
đ)	Nội tiết	N	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	N	
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	N	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	N	
	Phân loại	I	
Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Hách			
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	N	BS. Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại	I	
b)	Da liễu	không có dấu hiệu lâm sàng	Cm
	Phân loại	I	
3.	Sản phụ khoa:.....đẻ mổ.....02 lần.....	BS: Bùi Thị Kim	
	Phân loại:.....I.....	BÁC SĨ CHUYÊN KHOA SẢN Trịnh Thị Nga	
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 1/4, Mắt trái 1/4			
Có kính: Mắt phải 1/4, Mắt trái 1/4			
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại:			
BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyện			

5.	Tai - Mũi - Họng
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Phân loại:	
6.	Răng - Hàm - Mặt
Kết quả khám: Hàm trên: Hàm dưới: Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Phân loại:	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	 CK. Hà Tuấn Tùng
2. Xét nghiệm nước tiểu: Đường: Protein: Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	 CK. Hà Tuấn Tùng

IV. KẾT LUẬN

- Phân loại sức khỏe: (Kai)
- Các bệnh, tật (nếu có):

Long Biên, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGOCLAM

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN
 PKDK.....NGOCLAM
 Số 73/6/GKSK-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): PHAM THANH T. LINH
 Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
 Sinh Ngày: 10 tháng 8 năm 1984 (Tuổi: 41)
 Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 034084024209
 Cấp ngày: 24/10/2024 Tại: C.A. Tỉnh Thừa Thiên Huế
 Chẩn hiện tại: SN 19 thạc sĩ đã ra xã gần thủy H&LFIN
 Lý do khám sức khỏe: đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên ngày tháng năm

đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: cm; - Cân nặng: kg; - Chỉ số BMI:

Mạch: lần/phút; - Huyết áp: mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sĩ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	Tim đập, rõ - T ₁ T ₂ LV	BÁC SỸ ĐƯƠNG VĂN CHÁNH
	Phân loại	I	
b)	Hô hấp	LV	
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	LV	
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	LV	
	Phân loại	I	
d)	Nội tiết	LV	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	LV	Bác sĩ chuyên khoa I TRẦN VĂN HÁCH
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	LV	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	LV	
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	LV	BS. Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại	I	
b)	Da liễu	LV	BS. Bùi Thị Kim
	Phân loại	I	
3.	Sân phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 10/100, Mắt trái: 10/100			BS. CHUYÊN KHOA NGUYỄN THỊ LUYẾN
Có kính: Mắt phải:, Mắt trái:			
Các bệnh về mắt (nếu có): Răng			
Phân loại: I			

4

5.	Tai - Mũi - Họng
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Phân loại:	
6.	Răng - Hàm - Mặt
Kết quả khám: Hàm trên: Hàm dưới: Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Phân loại:	

TTUT.BSCKI.TMH
Đào Thanh Bình

Đặc sý - Đặc sý
Nguyễn Thị Kim Ngân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Ure: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	Nguyễn Thị Linh
2. Xét nghiệm nước tiểu: Đường: Khác (nếu có): 3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	Nguyễn Thị Linh

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:
 2. Các bệnh, tật (nếu có):

Long Biên, ngày 14 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐA KHOA
NGỌC LÂM

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN
PKDK.....Ngọc...Lâm...
Số: 7621/GKSK-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): TIẾN...THI...SANG
 Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
 Sinh Ngày: 25 tháng 4 năm 2003 (Tuổi:)
 Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/dịnh danh CD: 002303012013
 Cấp ngày: 16/8/2021 Tại: Cục Cảnh Sát
 Nơi ở hiện tại: Lũy...Chanh...Meo...Vac...Hải...Trang
 Lý do khám sức khỏe: Khám...Sức...Khỏe...định...kỳ...Công...đo

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☐ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Sống
Thảo Thị Sống

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 152 cm; - Cân nặng: 50 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 82 lần/phút; - Huyết áp: 100/70 mmHg

Phân loại thể lực: III

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
I.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	Tiền, Tuyến	BÁC SỸ Đương Văn Thảo
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		
d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		
d)	Nội tiết		
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp		Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Hách
	Phân loại		
g)	Thần kinh		Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Hách
	Phân loại		
h)	Tâm thần		Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Hách
	Phân loại		
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	BT	BS Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại		
b)	Da liễu	Trắng da mắt nước da nhẹ	BS Bùi Thị Minh
	Phân loại		
3.	Sản phụ khoa: 22 tuần 02 lần 1 đi mô 1 lần		BÁC SĨ CHUYÊN KHOA SẢN Trần Thị Ngọc
	Phân loại:	II	
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 10/10			BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyện
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:			
Các bệnh về mắt (nếu có): MUP - ALDT			BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyện
Phân loại: II			

4

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

Phân loại:

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên:m; Hàm dưới:m

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):

Phân loại:

TTUT.BSCKI.TMH

Đào Thanh Bình

Tuấn Sỹ - Bác sỹ

Nguyễn Thị Kim Ngân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu: Số lượng HC: 4.95	
Số lượng Bạch cầu: 7.57	
Số lượng tiểu cầu: 2.90	
b) Sinh hóa máu: Đường máu: 6.5 mmol/L	
Ure:mmol/L	
Creatinin:ASAT(GOT):	
ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
Đường: ÂM TÍNH	
Protein: ÂM TÍNH	
Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: loại II (loại)
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Long Biên, ngày 04 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN

PKDK.....

Số: 1626/GKSK-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): LÝ VĂN PHÚ

Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

Sinh Ngày 15 tháng 06 năm 1983 (Tuổi:)

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/dịnh danh CD: 019083.012.915

Cấp ngày 4/10/2021 Tại: Cục Cảnh Sát

Chỗ ở hiện tại: Phúc Thuận, Thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Lý do khám sức khỏe: Khám sức khỏe định kỳ công vụ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a. Không ☐ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a, Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b, Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2015

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Lý Văn Khoa

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 166 cm; - Cân nặng: 65 kg; - Chỉ số BMI:

Mạch: 116 lần/phút; - Huyết áp: 120/70 mmHg

Phân loại thể lực: II

II. KHÁM LÂM SÀNG

H. KHÁM LÂM SÀNG			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
Nội dung khám			
1.	* Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	Trần Văn Khoa	BÁC SỸ Đường Văn Thọ
	Phân loại		
b)	Hô hấp	W	
	Phân loại	L	
c)	Tiêu hóa	W	
	Phân loại	L	
d)	Thận-Tiết niệu	W	
	Phân loại	L	
d)	Nội tiết	W	
	Phân loại	L	
e)	Cơ - xương - khớp	W	
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	W	
	Phân loại	L	
h)	Tâm thần	W	
	Phân loại	I	
			Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Hách
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	W	BS. Đỗ Anh Tuấn Cúc BS: Bùi Thị Kim
	Phân loại	I	
b)	Da liễu	Sẹo sẹo ong ong phải	
	Phân loại	I	
3.	Sản phụ khoa:.....		
	Phân loại:.....		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 1.0 Mắt trái: 0.8			
Có kính: Mắt phải: 1.0 Mắt trái: 1.0			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2M RDA T			
Phân loại: 11			
BS. CHUYÊN KHOA Nguyễn Thị Luyện			

4

5.	Tai - Mũi - Họng
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... Phân loại:.....	
6.	Răng - Hàm - Mặt
Kết quả khám: Hàm trên:..... Hàm dưới:..... Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):..... Phân loại:.....	

TTUT.BSCKI.TMH
Đào Thanh Bình

Được sỹ - Đắc sỹ
Nguyễn Thị Kim Ngân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4.88 Số lượng Bạch cầu: 7.40.....Số lượng tiểu cầu: 220..... b) Sinh hóa máu: Đường máu: 6.6 mmol/L.....Ure:..... Creatinin:.....ASAT(GOT):..... ALAT (GPT):.....	Nguyễn Thị Linh
2. Xét nghiệm nước tiểu: Đường: AM TÍNH Protein: AM TÍNH Khác (nếu có):..... 3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	Nguyễn Thị Linh

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: loại III (K)
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Long Biên, ngày 04 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯƠNG PHONG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN

PKDK.....Ngọc Lam.....

Số: 762/K/GSK-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): SÙNG MÍ LUY

Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

Sinh Ngày: 04 tháng 08 năm 2000 (Tuổi: 22)

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD 0022 07 00 8291

Cấp ngày 11/08/2021 Tại: Ủy Ban 99T

Chẩn hiện tại: Tả lưng, gối, vai, hông, gối

Đã khám sức khỏe: Khỏe, sức khỏe tốt, ký

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Họ tên... ngày... tháng... năm... 2015

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Sùng mi u

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 1.5 cm; - Cân nặng: 43 kg; - Chỉ số BMI:

Mạch: 10 lần/phút; - Huyết áp: 120/70 mmHg

Phân loại thể lực: III
.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	<i>Tuần hoàn, tim mạch</i>	<i>BÁC SỸ</i> <i>Trương Văn Hách</i>
	Phân loại		
b)	Hô hấp	<i>Hô hấp</i>	
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa	<i>Tiêu hóa</i>	
	Phân loại		
d)	Thận-Tiết niệu	<i>Thận-Tiết niệu</i>	
	Phân loại		
d)	Nội tiết	<i>Nội tiết</i>	
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	<i>Cơ - xương - khớp</i>	
	Phân loại		
g)	Thần kinh	<i>Thần kinh</i>	
	Phân loại		
h)	Tâm thần	<i>Tâm thần</i>	<i>Bác sỹ chuyên khoa I</i> <i>Trần Văn Hách</i>
	Phân loại		
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	<i>Ngoại khoa</i>	<i>BS. Đỗ Anh Tuấn</i>
	Phân loại		
b)	Da liễu	<i>Da liễu</i>	<i>BS. Bùi Thị Kim</i>
	Phân loại		
3.	Sân phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải <i>1.0</i> Mắt trái <i>1.0</i> Có kính: Mắt phải <i>1.0</i> Mắt trái <i>1.0</i>			
Các bệnh về mắt (nếu có): <i>Đục thủy tinh thể</i>			<i>BS. CHUYÊN KHOA I</i> <i>Nguyễn Thị Luyến</i>
Phân loại: <i>II</i>			

5.	Tai - Mũi - Họng
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nối thường.....m; Nối thẳm.....m Tai phải: Nối thường.....m; Nối thẳm.....m Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... Phân loại:.....	
6.	Răng - Hàm - Mặt
Kết quả khám: Hàm trên:..... Hàm dưới:..... Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):..... Phân loại:.....	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG	
Nội dung khám	Chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC:..... Số lượng Bạch cầu:..... b) Sinh hóa máu: Đường máu:..... Creatinin:..... ALAT (GPT):.....	Nguyễn Thị Kim Ngân
2. Xét nghiệm nước tiểu: Đường:..... Khác (nếu có):.....	Nguyễn Thị Kim Ngân
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):.....	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:.....
 2. Các bệnh, tật (nếu có):.....

Long Biên, ngày 04 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐA KHOA
NGOẠI LÂM

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN
PKDK.....
Số: 7622/GSK-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa):.....

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒

Sinh Ngày... tháng... năm... (Tuổi:.....)

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD:.....

Cấp ngày... tháng... năm... Tại.....

Đến khám tại:.....

Đo khám sức khỏe:.....

THẺ SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☐ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mỹ
Thảo Thị Mỹ

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 152 cm; - Cân nặng: 55 kg; - Chỉ số BMI:
- Mạch: 82 lần/phút; - Huyết áp: 100/70 mmHg
Phân loại thể lực: III

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	Trên tim, 2/2	BÁC SỸ Đường Văn Hào
	Phân loại		
b)	Hô hấp	Trên	
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa	Trên	
	Phân loại		
d)	Thận-Tiết niệu	Trên	
	Phân loại		
d)	Nội tiết	Trên	
	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	Trên	BÁC SỸ CHUYÊN KHOA I Trần Văn Hách
	Phân loại		
g)	Thần kinh	Trên	BÁC SỸ CHUYÊN KHOA I Trần Văn Hách
	Phân loại		
h)	Tâm thần	Trên	BÁC SỸ CHUYÊN KHOA I Trần Văn Hách
	Phân loại		
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	Trên	BS: Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại		
b)	Da liễu	Trên	BS: Bùi Thị Kim
	Phân loại		
3.	Sản phụ khoa: Phân loại:		BÁC SỸ CHUYÊN KHOA SẢN Trịnh Thị Nga
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: Mắt trái: Có kính: Mắt phải: Mắt trái:			BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyện
Các bệnh về mắt (nếu có): Phân loại:			

5.	Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường.....15.....m; Nói thầm.....105.....m		
Tai phải: Nói thường.....15.....m; Nói thầm.....105.....m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....		
Phân loại:.....		
6.	Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám:		
Hàm trên:.....		
Hàm dưới:.....		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):.....		
Phân loại:.....		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Chữ ký của Bác sĩ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu: Số lượng HC:.....4.92.....	
Số lượng Bạch cầu:.....5.61.....Số lượng tiểu cầu:.....225.....	
b) Sinh hóa máu: Đường máu:.....7.4 mmol/L.....Ure:.....	
Creatinin:.....ASAT(GOT):.....	
ALAT (GPT):.....	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
Đường:.....AM TÍNH.....Protein:.....0.15.....	
Khác (nếu có):.....	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

- Phân loại sức khỏe:.....loại II (loại).....
- Các bệnh, tật (nếu có):.....

Long Biên, ngày 04 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐA KHOA
NGỌC LAM

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN

PKDK.....Ngọc Lam.....

Số: 7623/GSKS-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa):.....LÝ MINH HẢI.....

Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

Sinh Ngày.....05.....tháng.....01.....năm.....1999.....(Tuổi:.....26.....)

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD:.....019099004601.....

Cấp ngày.....15/01/2021.....Tại.....Cụm Trường Lũy Anh Sơn, Đường Lý Thái Tổ, Phường Hai Bà Trưng, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.....

Chẩn đoán hiện tại:.....Xơ cứng động mạch ngoại biên, Phổi tắc nghẽn mãn tính.....

Lý do khám sức khỏe:.....Khẩn cấp:.....điều trị.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☐ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 04 tháng 6 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hà
Lý Minh Hà

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 165 cm; - Cân nặng: 69 kg; - Chỉ số BMI:

Mạch: 86 lần/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thể lực: III

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	Tuần hoàn	
	Phân loại	Phân loại	
b)	Hô hấp	Hô hấp	
	Phân loại	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	Tiêu hóa	
	Phân loại	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	Phân loại	
d)	Nội tiết	Nội tiết	
	Phân loại	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	Cơ - xương - khớp	
	Phân loại	Phân loại	
g)	Thần kinh	Thần kinh	
	Phân loại	Phân loại	
h)	Tâm thần	Tâm thần	
	Phân loại	Phân loại	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	Ngoại khoa	BS. Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại	Phân loại	
b)	Da liễu	Da liễu	BS. Bùi Thị Kim
	Phân loại	Phân loại	
3.	Sản phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/20 Mắt trái 10/20			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có):			BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyện
Phân loại:			

5.	Tai - Mũi - Họng
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): Phân loại:	
6.	Răng - Hàm - Mặt
Kết quả khám: Hàm trên: Hàm dưới: Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): Phân loại:	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG	
Nội dung khám	Chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	Nguyễn Thị Lâm Ngân Thạc sỹ - Bác sỹ
2. Xét nghiệm nước tiểu: Đường: Protein: Khác (nếu có):	Nguyễn Thị Lâm Ngân Thạc sỹ - Bác sỹ
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:
 2. Các bệnh, tật (nếu có):

Long Biên, ngày... tháng... năm...

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

TTYT QUẬN LONG BIÊN
 PKDK.....
 Số: 7445/GKSK-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN MINH VIỄN
 Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
 Sinh Ngày: 6 tháng 7 năm 1975 (Tuổi: 50)
 Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 00.1075035454
 Cấp ngày: Tại:
 Chỗ ở hiện tại: thôn đình vũ - xã yên thiện - gia lai
 Do khám sức khỏe: định kỳ

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☒ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên ngày tháng năm

đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

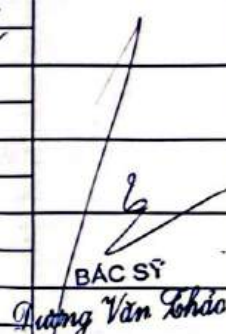
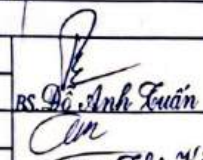
Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 174 cm; - Cân nặng: 58 kg; - Chỉ số BMI:
 Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 90/120 mmHg
 Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	Tay bắt mạch đều đặn	 BÁC SỸ Trần Văn Chao
	Phân loại	II	
b)	Hô hấp	4/	
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	4/	
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	4/	
	Phân loại	I	
đ)	Nội tiết	4/	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	4/	
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	4/	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	4/	Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Chao
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	BT	 BS. Hồ Anh Tuấn
	Phân loại	I	
b)	Da liễu	4/	 BS. Bùi Thị Kim
	Phân loại	I	
3.	Sản phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 1.0, Mắt trái 1.0 Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			 BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyên
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại:			

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm ma túy (Xét nghiệm sàng lọc và định tính các loại ma túy theo quy định của Bộ Y Tế: Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin) Kết quả: ÂM TÍNH	 NXN. Vũ Thị Xuân
2. Các xét nghiệm chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sỹ khám sức khỏe: Xét nghiệm nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở/huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác (điện não đồ, điện tim,...) a) Kết quả:	
b) Kết luận:	

IV. KẾT LUẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN SỨC KHỎE
LÁI XE HẠNG C

(Giấy khám sức khỏe này có giá trị sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết luận).

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2025
NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



TS.BS. Nguyễn Thị Lan Anh

CTCP Y DƯỢC TÂM AN BÌNH
PKDK AN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05832/GKSKLX/01279/25



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LÁI XE

Họ và tên (chữ in hoa): **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Giới: Nam ☒ Nữ ☐
Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1978 (Tuổi: 47)
Số CCCD hoặc Hộ chiếu: 001078022071
Cấp ngày 7/5/2021 Tại: CAIP Hà Nội - C.C.S.
Hiện tại: Yên Khê - Yên Thế - Gia Lâm - Hà Nội
Đề nghị khám sức khỏe để lái xe hạng: C Điện thoại: 071011989

I. TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐; b) Có ☐;

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử, bệnh sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		☒	11	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		☒	12	Bệnh tâm thần		☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		☒	13	Mất ý thức, rối loạn ý thức		☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		☒	14	Ngất, chóng mặt		☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		☒	15	Bệnh tiêu hóa		☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		☒	16	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to		☒
7	Tăng huyết áp		☒	17	Tai biến mạch máu não hoặc đột quỵ		☒
8	Khó thở		☒	18	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phổi mạn tính		☒	19	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		☒
10	Bệnh thận, lọc máu		☒	20	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		☒

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Hiện tại đang có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng hay không? (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đỗ Văn Giang

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ								
1. Tâm thần: Kết luận: <i>Bình thường</i>	<i>E</i> TS.BS. Nguyễn Thị Lan Anh								
2. Thần kinh: Kết luận: <i>Bình thường</i>	<i>E</i> TS.BS. Nguyễn Thị Lan Anh								
3. Mắt: - Thị lực nhìn xa từng mắt: + Không kính: Mắt phải: 4/10 Mắt trái: 6/10 + Có kính: Mắt phải: 10/10 Mắt trái: 10/10 - Thị lực nhìn xa hai mắt: Không kính 6/10 Có kính 10/10 - Thị trường: Thị trường ngang hai mắt (chiều mũi - thái dương) Thị trường đứng (chiều trên-dưới) <table border="1"> <thead> <tr> <th>Bình thường</th> <th>Hạn chế</th> <th>Bình thường</th> <th>Hạn chế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>☒</td> <td>☐</td> <td>☒</td> <td>☐</td> </tr> </tbody> </table> - Sắc giác + Bình thường ☒ + Mù màu toàn bộ ☐ Mù màu: - Đỏ ☐ - Xanh lá cây ☐ - vàng ☐ Các bệnh về mắt (nếu có): <i>Viêm kết mạc</i> Kết luận:	Bình thường	Hạn chế	Bình thường	Hạn chế	☒	☐	☒	☐	<i>TS.BS. Tạ Việt Đức</i>
Bình thường	Hạn chế	Bình thường	Hạn chế						
☒	☐	☒	☐						

4. Tai-Mũi-Họng

- Kết quả khám thính lực (có thể sử dụng máy trợ thính)

+ Tai trái: Nói thường: 15m; Nói thầm: 95m
+ Tai phải: Nói thường: 15m; Nói thầm: 95m

- Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

Bình thường

Kết luận:

BS. Phạm Hùng Mạnh

5. Tim mạch:

+ Mạch: 80 lần/phút;
+ Huyết áp: 130/100 mmHg

Bình thường

Kết luận:

TS.BS. Nguyễn Thị Lan Anh

6. Hô hấp:

Kết luận: *Bình thường*

TS.BS. Nguyễn Thị Lan Anh

7. Cơ Xương Khớp:

Kết luận: *Bình thường*

TS.BS. Nguyễn Thị Lan Anh

8. Nội tiết:

Kết luận: *Bình thường*

TS.BS. Nguyễn Thị Lan Anh

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng Hồng cầu: 4,83 (T/L) Số lượng Bạch cầu: 8,12 (G/L) Số lượng tiểu cầu: 187 (G/L) b) Sinh hóa máu: Đường máu: 6,78 (Mmol/L) Urê: 5,23 (Mmol/L); Creatinin: 87,27 (μmol/L) ASAT(GOT): 44,6 (U/L); ALAT (GPT): 21,7 (U/L)	 CNXN. Vũ Thị Xuân
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: Âm tính b) Protein: Âm tính c) Khác (nếu có):	 CNXN. Vũ Thị Xuân
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): X QUANG TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG	 BSKL Nguyễn Xuân Nguyên

KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: II
 2. Các bệnh, tật (nếu có): Lão thị

ĐỦ SỨC KHỎE ĐỂ HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC

Hà Nội, ngày 06. tháng 06. năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BSKL

Nguyễn Thị Phương Nhung

CTCP Y DƯỢC TÂM AN BÌNH
PKDK AN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1798/GKSK-PKDKAB

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): VŨ HỒNG THÁI

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh Ngày 03. tháng 10. năm 1978 Tuổi: 48...

Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/danh CD : 0010178003069...

5. Cấp ngày 10/5/2021. Tại Cục y tế quốc gia, CSQL HC CHIT XH

6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Yên Khê xã Yên Phương Gia Lâm - HN

Y do khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		✓	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		✓
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		✓	13	Bệnh tâm thần		✓
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		✓	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		✓
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		✓	15	Ngất, chóng mặt		✓
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		✓	16	Bệnh tiêu hóa		✓
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		✓	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to		✓
7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓

10	Bệnh thân, lọc máu	✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	✓
11	Nghiện rượu, bia	✓	22	Bệnh khác (ghi rõ)	✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

C^o

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 6... tháng 6... năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thái
Vũ Hồng Thái

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 163 cm; - Cân nặng: 65 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 76 lần/phút; - Huyết áp: 130 / 90 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
I. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	HA 130/90 An toàn	f
Phân loại	I	
b) Hô hấp	Bình thường	BSCKI.
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa	Bình thường	Nguyễn Thị Hương Nhung
Phân loại	I	
d) Thận-Tiết niệu	Bình thường	f
Phân loại	I	
d) Nội tiết	Bình thường	BSCKI.
Phân loại	I	

e) Cơ - xương - khớp	Bình thường	f
Phân loại	I	
g) Thần kinh	Bình thường	BSCKI.
Phân loại	I	
h) Tâm thần	Bình thường	Nguyễn Thị Hương Nhung
Phân loại	I	
2. Ngoại khoa, Da liễu:		3
- Ngoại khoa	Bình thường	
Phân loại:	I	BS. Lê Hữu Quang
- Da liễu	Bình thường	
Phân loại:	I	
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực:	Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	BSCKI. Tạ Việt Đức
Có kính:	Mắt phải: Mắt trái:	
Các bệnh về mắt (nếu có):	2M, 1aế Ph	BSCKI. Tạ Việt Đức
Phân loại:	I	
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		BSCKI. Dương Văn Minh
Tai trái: Nói thường: Nói thầm:	15m; 10.5m	
Tai phải: Nói thường: Nói thầm:	15m; 10.5m	BSCKI. Dương Văn Minh
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	Bình thường	
Phân loại:	I	
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: Hàm dưới:	BSCKI. Nông Văn Nam
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	Bình thường	
Phân loại	I	

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 155 cm; Cân nặng: 48 kg; Chỉ số BMI:
Mạch: 40 lần/phút; Huyết áp: 120/70 mmHg
Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	BS	BÁC SĨ CKI Vu Thị Hoàng Lan
	Phân loại	I	
b)	Hô hấp	BS	
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	BS	
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	BS	
	Phân loại	I	
d)	Nội tiết	BS	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	BS	Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Bách
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	BS	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	BS	
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	BS	BS Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại	I	
b)	Da liễu	man mả quai đở ? Fungus bít	BS
	Phân loại	I	
3.	Sản phụ khoa:	ti. kg. 02 lần. 1mãn. tinh.	BS CHUYÊN KHOA SẢN Trinh Thị Ngà
	Phân loại:	II	
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực:			
Không kính: Mắt phải 1/10. Mắt trái 1/10			
Có kính: Mắt phải 9/10. Mắt trái 9/10			
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại:			BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyến

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 5,41 G/L Số lượng Bạch cầu: 8,1 G/L Số lượng tiểu cầu: 246 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 4,8 mmol/L Urê: 5,6 mmol/L Creatinin: 92 umol/L ASAT(GOT): 30 U/L ALAT (GPT): 29 U/L	CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Đinh Phương Mai
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: /BT b) Protein: /BT c) Khác (Nếu có):	CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Đinh Phương Mai
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): Không thấy tổn thương.	BÁC SỸ CKI Lê Thị Kim Hiền

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại II

2. Các bệnh, tật (nếu có):

Hiện tại đủ sức khỏe học tập và công tác

Từ Sơn, ngày 11 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thùy

CÔNG TY CP Y TẾ SAO KINH BẮC
 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA
 KINH BẮC - HÀ NỘI
 Số: 475/GKSK-KBHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN



(Theo thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



- Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN THẮNG
- Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
- Sinh Ngày 08 tháng 08 năm 1982 (Tuổi: 42)
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 027082007145
- Cấp ngày 09/05/2021 Tại Cục cảnh sát
- Nơi ở hiện tại: Đồng Mỹ - Từ Sơn - B.N
- Lý do khám sức khỏe: Xin đi làm

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HẠNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua		☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết		☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu		☒	13	Bệnh tâm thần		☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)		☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức		☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng		☒	15	Ngất, chóng mặt		☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác		☒	16	Bệnh tiêu hóa		☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)		☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to		☒

7	Tăng huyết áp		✓	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt		✓
8	Khó thở		✓	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống		✓
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính		✓	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục		✓
10	Bệnh thận, lọc máu		✓	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện		✓
11	Nghiện rượu, bia		✓	22	Bệnh khác (ghi rõ)		

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Từ Sơn, ngày 11 tháng 6 năm 2015

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Thái

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 172 cm; - Cân nặng: 75 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 72 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg.

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên, chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		
d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		
d)	Nội tiết		
	Phân loại		

e)	Cơ - xương - khớp		
	Phân loại		
g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:			
- Ngoại khoa:			
Phân loại:			
2.			
- Da liễu:			
Phân loại:			
Sân phụ khoa:			
3.	Phân loại:		
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực:			
Không kính: Mắt phải: 8/10 Mắt trái: 8/10			
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:			
Các bệnh về mắt (nếu có):			
Phân loại:			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường: 6 m; Nói thầm: 3 m			
Tai phải: Nói thường: 6 m; Nói thầm: 3 m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại:			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám: Hàm trên: 28.8.3			
Hàm dưới: 28.8.3			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
Phân loại:			

BÁC SỸ CKI

Cô Thị Kim Liên

BÁC SỸ
Nguyễn Hạnh Quang

BÁC SỸ CKI
Phan Thị Nga

BÁC SỸ CKI
Phan Thị Nga

THẦY THUỐC USTÚ
ESCKI. Trần Văn Nam

BÁC SỸ CKI
Trần Văn Tuấn

4

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):

Phân loại:

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên:m; Hàm dưới:m

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):

Phân loại:

TTUT.BSCKI.TMH

Đào Thanh Bình

Thạc sĩ - Bác sĩ

Nguyễn Thị Kim Ngân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Chữ ký của Bác sĩ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu: Số lượng HC: 5,94	
Số lượng Bạch cầu: 9,07	
Số lượng tiểu cầu: 190	
b) Sinh hóa máu: Đường máu: 6,1 mmol/L	
Creatinin: ASAT(GOT):	
ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
Đường: AM TÍNH	
Protein: AM TÍNH	
Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: loại II (khi)
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Long Biên, ngày 01 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NGỌC LÂM

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUẬN LONG BIÊN

PKĐK.....Ngọc.....Lâm

Số: 7424/GSK-PKĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): LÝ VĂN VƯỢNG

Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

Sinh Ngày: 23 tháng 05 năm 1994 (Tuổi:)

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 019094003491

Cấp ngày 11/8/2021 Tại: C.T.C.C.S.Q.L.H.C.V.I.T.X.H

Chỗ ở hiện tại: Thôn đố Xá - Yên Thượng - Xã Lâm - HN

Lý do khám sức khỏe: Xin Việc

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 5 tháng 6 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Vương
Lý Văn Vương

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 165 cm; - Cân nặng: 53 kg; - Chỉ số BMI:
Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 140 / 75 mmHg
Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	TD THA, T11, T12, T13	BÁC SỸ Đường Văn Thảo
	Phân loại	I	
b)	Hô hấp	PHEN, T13	
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	T13	
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	T13	
	Phân loại	I	
d)	Nội tiết	T13	
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	T13	
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	T13	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	T13	
	Phân loại	I	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:		
a)	Ngoại khoa	T13	BS. Đỗ Anh Tuấn BS. Bùi Thị Kim
	Phân loại	I	
b)	Da liễu	T13	
	Phân loại	I	
3.	Sân phụ khoa:..... Phân loại:.....		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: T13, T14; Mắt trái: T13, T14 Có kính: Mắt phải: T13, T14; Mắt trái: T13, T14			
Các bệnh về mắt (nếu có): LƯU RIẾT			
Phân loại: II			
BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Luyến			

4

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

Phân loại:.....

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên:.....

Hàm dưới:.....

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):.....

Phân loại:.....

TTUT.BSCKI.TMH

Đào Thanh Bình

Tuấn sỹ - Bác sỹ

Nguyễn Thị Kim Ngân

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu: Số lượng HC: $4,87 \times 10^{12}/l$	
Số lượng Bạch cầu: $8,59 \times 10^3/l$ Số lượng tiểu cầu: $249 \times 10^3/l$	
b) Sinh hóa máu: Đường máu:..... Ure:.....	
Creatinin:..... ASAT(GOT):.....	
ALAT (GPT):.....	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
Đường: ÂM TÍNH Protein: ÂM TÍNH	
Khác (nếu có):.....	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

Chữ ký của Bác sỹ

Chữ ký của Bác sỹ

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:.....
2. Các bệnh, tật (nếu có):.....

Long Biên, ngày 19 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG KHÁM

Nguyễn Thị Kim Ngân

TTYT QUÂN LONG BIÊN

PKDK.....

Số 702/GKSK-PKDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN HUYỀN

Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

Sinh ngày 03 tháng 07 năm 1962 (Tuổi: 63)

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001.062.048.760

Cấp ngày 11/5/2021 Tại Cục Cảnh sát

ở hiện tại: Xóm Thôn, Gia Lâm, Hà Nội

Đã khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a, Không ☐ b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên ngày tháng năm
đầy hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 158 cm; - Cân nặng: 52 kg; - Chỉ số BMI:
- Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 140/80 mmHg
Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn	
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	
d)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	
	Phân loại	
g)	Thần kinh	
	Phân loại	
h)	Tâm thần	Chuyên khoa I Vũ Văn Hách
	Phân loại	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:	
a)	Ngoại khoa	
	Phân loại	
b)	Da liễu	
	Phân loại	
3.	Sản phụ khoa:	
	Phân loại:	
4.	Mắt:	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 9/10, Mắt trái: 9/10 Có kính: Mắt phải: 9/10, Mắt trái: 9/10		
Các bệnh về mắt (nếu có): 2 đ. TR X, 1 đ. K.		
Phân loại: II		

7.2

7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a. Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b. Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

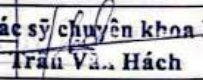
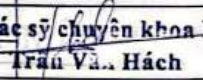
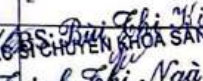
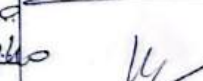
..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 158 cm; - Cân nặng: 49 kg; - Chỉ số BMI:
- Mạch: 90 lần/phút; - Huyết áp: 140/80 mmHg
Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ khám
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn	 BÁC SĨ CK1 Vũ Thị Hoàng Lan
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	
đ)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	 Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Hách
	Phân loại	
g)	Thần kinh	
	Phân loại	
h)	Tâm thần	 Bác sỹ chuyên khoa I Trần Văn Hách
	Phân loại	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:	
a)	Ngoại khoa	 BS. Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại	
b)	Da liễu	 BS. Đỗ Anh Tuấn
	Phân loại	
3.	Sản phụ khoa: d2 tháng 02 lần, 1 lần	 BÁC SĨ CHUYÊN KHOA SẢN Trịnh Thị Nga
	Phân loại: 1 lần	
4.	Mắt:	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: 3/40... Mắt trái: 3/40... Có kính: Mắt phải: 3/40... Mắt trái: 3/40...		 BS. CHUYÊN KHOA I Nguyễn Thị Duyên
Các bệnh về mắt (nếu có): 2/40 x, lão hóa		
Phân loại: H		